

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG
Bản án số 09/2026/HNGĐ-ST**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày 22.01.2026
V/v “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Cường và bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 239/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số I L, phường P, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng D, sinh năm 1983; địa chỉ: Số B P, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Tôi và ông Phạm Hoàng D tự nguyện kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại căn nhà của ba mẹ chồng. Sau khoảng 02 năm chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông D không có việc làm và còn có lời lẽ xúc phạm, bạo lực đối với tôi. Ngày 06/01/2021, vì không thể tiếp tục chịu đựng tình trạng bạo hành về thể xác lẫn tinh thần nên tôi đã dẫn con vào tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng) để sinh sống và làm việc. Vợ chồng tôi sống ly thân đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi xác định mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn,

hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông D.

* Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Phạm Tấn K, sinh ngày 25/5/2012. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

* Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Phạm Hoàng D trình bày:

Tôi và bà Đặng Thị T tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế. Bà T đã đưa con về Bình Thuận sinh sống từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý.

* Về con chung: Chúng tôi có 01 cháu tên Phạm Tấn K, sinh ngày 25/5/2012. Hiện nay cháu đang ở với mẹ nên tôi thống nhất giao con cho bà T nuôi dưỡng.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà T được ly hôn với ông D; giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có nên không không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Đặng Thị T và ông Phạm Hoàng D là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn phường T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà T ông D kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường A, thành phố Đà Nẵng), đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T ông D đã phát sinh mâu thuẫn. Bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông D không có công việc và hay xúc phạm vợ. Ông D xác định nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hai người đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Tại bản tự khai, ông D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà T ông D thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và đã trầm trọng kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông D là phù hợp.

* Về con chung: Bà T và ông D xác nhận có 01 con chung là Phạm Tấn K, sinh ngày 25/5/2012. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông D đều có nguyện vọng giao con chung chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông D xác định không có, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” đối với ông Phạm Hoàng D .

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Phạm Hoàng D.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Tấn K, sinh ngày 25/5/2012 cho bà Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Ông Phạm Hoàng D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Đặng Thị T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003452 ngày 13.10.2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường An Khê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Cường

